

Bản án số: 369/2020/HC-PT

Ngày 11 tháng 8 năm 2020

“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 179/2020/TLPT-HC ngày 19 tháng 02 năm 2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2019/HC-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo, bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1925/2020/QĐPT-HC ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Lê Thị T¹, sinh năm 1971 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 163 Khu phố 3, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Dương Tiến N, sinh năm 1948; Địa chỉ: 5C Khu tập thể phường Phú Khương, thành phố B, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 30/5/2019) – Vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Mai Văn H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (Văn bản ủy quyền số 1595/GUQ-UBND ngày 27/5/2019) – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B;

Người đại diện hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B: Ông Trần Quang M – Phó Giám đốc (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1946 – Có mặt;

3.2. Ông Lê Văn K, sinh năm 1975 – Có mặt;

Cùng địa chỉ: 11/5 ấp Thạnh Hòa, thị trấn T, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T¹ và ông Lê Văn K: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1964; Địa chỉ: 55F Khu phố 1, phường Phú Tân, thành phố B, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 24/5/2019) – Có mặt;

3.3. Bà Lê Thị N¹, sinh năm 1967 – Vắng mặt;

Trú 11/5 ấp Thạnh Hòa, thị trấn T, huyện T, tỉnh B.

3.4. Ông Lê Văn K¹, sinh năm 1977 – Vắng mặt;

Trú 138/2 ấp Thạnh Hòa, thị trấn T, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn K¹: Bà Lê Thị N¹ (Văn bản ủy quyền ngày 07/8/2019) – Vắng mặt.

3.5. Bà Lê Thị Kim T², sinh năm 1982 – Vắng mặt;

Trú 29/5 ấp Thạnh Hòa, thị trấn T, huyện T, tỉnh B.

4. Người kháng cáo, kháng nghị:

4.1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Thị T.

4.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn K.

4.3. Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Cụ Lê Văn L và Lê Thị T có 05 con chung gồm: Lê Thị T¹ (*người khởi kiện*), Lê Văn K, Lê Văn K¹, Lê Thị N¹, Lê Thị Kim T².

Nguồn gốc thửa đất số 419, diện tích 927 m², tờ bản đồ số 06 thị trấn T, huyện T, tỉnh B là của cha mẹ cụ L là cố Lê Văn K² và Nguyễn Thị N² để lại cho cụ L sử dụng, kê khai đăng ký và cụ L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006.

Năm 2009, cụ L chết không có di chúc, cụ Lê Thị T làm thủ tục kê khai thừa kế toàn bộ đất trên và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/3/2010 thửa số 419, diện tích 927 m². Năm 2017, cụ T lập hợp đồng tặng cho ông Lê Văn K diện tích 309,4 m² thuộc một phần thửa đất số 419 và ông K được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06/3/2017, thửa 910, diện tích 309,4 m².

Tháng 8/2017, bà T¹ có đơn khởi kiện. Ngày 03/10/2017 Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý vụ án hành chính số 25/2017/TLST-HC đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K và thụ lý số 26/2017/TLST-HC đối với yêu cầu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ T. Tại biên bản đối thoại ngày 28/8/2018 các

bên thống nhất ông K đồng ý giao lại phần đất tại thửa 910 cho cụ T đứng tên quyền sử dụng để làm nhà thờ, nên các bên rút yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu độc lập. Tòa án nhân dân tỉnh B ban hành 02 quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 10/2018/QĐST-HC và số 11/2018/QĐST-HC cùng ngày 20/9/2018.

Trong đơn khởi kiện ngày 18/4/2019 của người khởi kiện bà Lê Thị T¹ và người đại diện hợp pháp trình bày: Do ông K không thực hiện theo biên bản đối thoại ngày 28/8/2018 và còn định chuyển nhượng đất cho người khác nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 04239 ngày 08/3/2010 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho cụ Nguyễn Thị T thửa 419, tờ bản đồ số 6 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS 10395 ngày 06/3/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Lê Văn K thửa 910, tờ bản đồ số 6.

Tại văn bản ngày 27/5/2019 của người đại diện hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T trình bày: Việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện hưởng thừa kế cho cụ Nguyễn Thị T mà không lập biên bản họp toàn bộ các thừa kế của cụ Lê Văn L là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 151 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2014 của Chính phủ.

Tại văn bản số 1477/STNMT-VPĐK ngày 23/5/2019 của người đại diện hợp pháp của người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B trình bày: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn K trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 22/02/2017 giữa cụ T với ông K, theo thủ tục số 09 thuộc Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 20/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về công bố 38 thủ tục hành chính ban hành mới, 44 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B nên việc khởi kiện của bà T¹ là không có cơ sở, còn việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu có sai sót thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Thị T, ông Lê Văn K và người đại diện cho cụ T, ông K là ông Huỳnh Văn B trình bày: Cụ T đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ để chia thừa kế cho các con; Ông K không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông vì đất này mẹ ông đã cho ông và ông là người thứ ba được pháp luật bảo vệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn K¹, bà Lê Thị N¹, Lê Thị Kim T² đều trình bày: Thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T¹.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2019/HC-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 30, 32, khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T¹;

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH 04239 ngày 08/3/2010 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho cụ Nguyễn Thị T thừa 419, tờ bản đồ số 6 tọa lạc thị trấn T, huyện T, tỉnh B;

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS 10395 ngày 06/3/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Lê Văn K thừa 910, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh B.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/11/2019, cụ Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo.

Ngày 04/11/2019, ông Lê Văn K có đơn kháng cáo.

Tại Quyết định số 44/KNPT-VC3-V3 ngày 18/11/2019 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị phúc thẩm đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án vì đã hết thời hiệu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Cụ Nguyễn Thị T và ông Lê Văn K cùng người đại diện là ông Huỳnh Văn B giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung đề nghị hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử vụ án vì đã hết thời hiệu khởi kiện.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của cụ Nguyễn Thị T, đơn kháng cáo của ông Lê Văn K và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết phúc thẩm.

[2] Năm 2017, bà Lê Thị T¹ đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH 04239 ngày 08/3/2010 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho cụ Nguyễn Thị T thừa 419, tờ bản đồ số 6 tọa lạc thị trấn T, huyện T, tỉnh B và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS 10395 ngày 06/3/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Lê Văn K thừa 910, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh B. Do đương sự rút đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân tỉnh B đã ra ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 10/2018/QĐST-HC và số 11/2018/QĐST-HC cùng ngày 20/9/2018.

Việc Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý, giải quyết không phải là sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác làm cho bà Lê Thị T¹ không khởi kiện được trong thời hạn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính (01 năm

kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính). Do đó, thời gian Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý vụ án và ban hành hai Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 10/2018/QĐST-HC và số 11/2018/QĐST-HC cùng ngày 20/9/2018 vẫn được tính vào thời hiệu khởi kiện, nên bà Lê Thị T¹ khởi kiện lại vào ngày 19/4/2019 để yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH 04239 ngày 08/3/2010 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho cụ Nguyễn Thị T thừa 419, tờ bản đồ số 6 tọa lạc thị trấn T, huyện T, tỉnh B và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS 10395 ngày 06/3/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Lê Văn K thừa 910, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh B là đã hết thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận một phần kháng cáo của cụ Nguyễn Thị T và chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn K, hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

[3] Theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì tiền tạm ứng án phí sơ thẩm được hoàn trả lại cho người đã nộp.

[4] Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 4 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Chấp nhận một phần kháng cáo của cụ Nguyễn Thị T và chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn K; Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2019/HC-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

2. Hoàn trả cho bà Lê Thị T¹ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006793 ngày 08/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

3. Cụ Nguyễn Thị T và ông Lê Văn K không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Lê Văn K 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006903 ngày 04/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

